

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận

(Tuần từ 25/09 đến 01/10/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-(%))					Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Đà Nẵng	309,3	711,1	-11	-29	-38	-4	-18	12
2	Ái Nghĩa	220,4	710,6	-23	-14	-18	-2	-22	20
3	Câu Lâu	290,4	701,8	-8	-10	-32	+28	+2	10
4	Giao Thủy	179,6	668,8	-29	-26	-22	-14	-28	21
5	Thành Mỹ	164,4	1.289,2	+7	-22	+8	+42	+13	44
6	Hiệp Đức	134,8	1.037,0	-19	-46	-36	+13	+4	65
7	Tam Kỳ	208,0	590,1	-37	-39	-48	-37	-38	37
8	Hội Khách	195,2	905,0	-17	-18	-21	+8	-3	53
9	Trà My	77,5	1.247,6	-22	-41	-35	-2	-9	58
10	Nông Sơn	262,8	1.289,9	-2	-25	-23	+31	+29	57
11	Hội An	162,2	742,8	-3	+11	-16	+8	+3	16
Trung bình		200,4	899,4	-15	-23	-25	+6	-6	36

Nhận xét: Trong tuần qua do ảnh hưởng của cơn bão số 5 đã gây ra mưa to đến rất to, lượng mưa đo được tại một số trạm đo mưa chính trên lưu vực với lượng mưa bình quân đạt 200,4 mm. Đặc biệt mưa lớn tại thượng nguồn lưu vực sông Vu Gia đã gây ngập lụt cho khoảng 185 ha lúa, màu tại các huyện Tây Giang, Đông Giang tỉnh Quảng Nam.

Tổng lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt khoảng 899,4 mm, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 15%. Dự báo trong tuần tới trong vùng sẽ có mưa, lượng mưa phổ biến từ 12 ÷ 65 mm.

1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-(%))					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đông Nghệ*	17,17	15,87	16	10	-10,5	-22,5	-20,5	12,1	9,0	Tăng
2	Hòa Trung	11,01	10,67	33	31	-5,5	29,9	21,5	-34,0	-26,2	Tăng

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
3	Phú Ninh	344,00	273,70	22	2	-12,2	-9,0	-12,5	-15,8	-6,4	Tăng
4	Việt An*	22,95	20,12	16	4	-5,5	3,3	-5,3	2,1	-7,7	Tăng
5	Khe Tân	54,00	46,50	50	41	15,1	18,9	16,5	18,5	19,6	Tăng
6	Vĩnh Trinh*	20,74	18,34	23	13	0,4	-4,0	4,7	22,9	3,2	Tăng
7	Thái xuân	12,03	11,38	6	0	-23,6	-26,7	-23,9	-32,8	-13,1	Tăng
8	Thạch Bàn	9,87	8,38	44	35	5,0	9,6	12,2	1,9	4,6	Tăng
9	Đông Tiễn	7,69	6,88	12	1	-8,4	-2,5	-2,2	-4,5	-0,5	Tăng
10	Phước Hà	6,34	5,89	10	3	-4,5	-4,7	-0,9	-7,8	1,3	Tăng
11	Hồ Giang	5,05	4,82	13	9	-14,2	8,5	-10,8	-25,0	8,5	Tăng
12	Cao Ngạn	4,13	3,68	3	0	-16,0	-8,5	-19,4	-18,9	-14,6	Tăng
13	Phú Lộc	3,51	3,33	21	17	0,6	12,1	16,4	7,5	6,7	Tăng
14	An Long	2,04	1,84	34	27	3,9	34,5	2,6	-2,3	10,0	Tăng
15	Trung Lộc	1,96	1,75	22	13	-0,5	8,6	11,6	-2,7	11,6	Tăng
16	Hương Mao	1,14	1,05	23	16	13,1	22,9	22,9	-13,1	22,9	Tăng
17	Cây Thông	0,99	0,94	9	5	-10,8	5,0	0,0	-17,2	3,0	Tăng
18	Đá Vách	0,80	0,70	63	57	-19,3	-33,6	-38,6	-8,6	-33,6	Tăng
19	Nước Rôn	0,58	0,46	21	0	-30,4	-22,1	-29,0	0,4	-56,5	Tăng
	Tổng	526,00	436,31	24	8	-8,0	-4,4	-7,2	-9,1	-25,6	

Nhận xét: Tổng dung tích toàn bộ thiết kế của 19 công trình hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn vùng nghiên cứu là 526 triệu m³, hiện tại tổng dung tích các hồ đạt 24% so với dung tích toàn bộ thiết kế, 8% so với dung tích hữu ích thiết kế, thấp hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm là 8,0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 25,6%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 9,1%.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-)					Dự báo xu thế nguồn nước	Qđén (m ³ /s)	Q xả (công/tràn) (m ³ /s)	Q chạy máy (m ³ /s)	MN hiện tại so với QTV H (m)
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019					
1	A Vương	343,6	266,5	45,7	30,0	+4,5	+10,1	+1,1	+21,3	+17,8	Giảm	227,2		65,5	-20,6
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	31,1	3,6	-4,0	-10,2	-9,1	+2,4	-1,1	Giảm	57,3	5,76 ÷ 5,84	26,7	-30,1
3	Đăk Mi 4	312,4	158,3	55,9	12,9	+2,4	+1,5	+1,7	+4,2	-0,5	Giảm	58,0	3,2 ÷ 3,2	31,1	-12,3
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	60,3	13,3	-4,4	-9,0	-16,9	+4,4	+0,0	Giảm	158,7		73,7	-9,8
5	Tổng	1.896,0	1.179,9	45,7	12,7	-1,5	-4,3	-5,1	+6,7	+2,7					

Nhận xét: Hiện tại, tổng dung tích toàn bộ trong các hồ đạt khoảng 45,7% so với dung tích toàn bộ thiết kế, đạt 12,7% dung tích hữu ích thiết kế, thấp hơn so với trung bình nhiều năm là 1,5%, cao hơn cùng kỳ năm 2019 khoảng 2,7% và cao hơn cùng kỳ năm 2018 là 6,7%. Các hồ hiện tại mực nước thấp hơn từ 9,8 ÷ 30,1 m so với mực nước quy định tại bảng 1,2 điều 6 của quy trình vận hành 1865/2019/QĐ-TTg.

Vận hành các nhà máy thủy điện trong tuần qua như sau:

+ Thủy điện A Vương: Lưu lượng đến trung bình đạt 227,2 m³/s, hồ phát điện liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 65,5 m³/s.

+ Thủy điện Sông Bung 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 158,7 m³/s, hồ phát điện liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 73,7 m³/s.

+ Thủy điện Đăk Mi 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 58,0 m³/s, hồ phát điện liên tục với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 31,1 m³/s. Lưu lượng xả về hạ du sông Vu Gia 3,2 m³/s.

+ Thủy điện Sông Tranh 2: Lưu lượng đến trung bình đạt 57,3 m³/s, hồ phát điện không liên tục, lưu lượng chạy máy trung bình đạt 26,7 m³/s.

II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC

Bảng 2.1. Phương án tích nước hồ chứa phù hợp

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Q xả max (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và thấp nhất tại thời điểm tính toán (m)			W đến dự báo hết mùa lũ (triệu m ³)	W hồ dự báo (%)	Khuyến cáo tích nước	
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			Khuyến cáo phương án tích nước	Mức nước hồ dự báo theo khuyến cáo (m)
1	Phú Ninh	20,72		32	30,50	25,85	398,3	100	Theo QTVH	32,00
2	Vĩnh Trinh	20,80		30,15	29,19	23,86	36,5	100	Theo QTVH	30,15
3	Việt An	78,12		92,1	88,00	77,00	17,54	100	Theo QTVH	92,10
4	Đồng Nghệ	16,76		33,3	30,30	21,00	31,8	100	Theo QTVH	33,30
5	Khe Tân	17,63		21,8	21,80	14,31	95,4	100	Theo QTVH	21,80

Theo dự báo của Trung tâm dự báo Quốc gia tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ trung bình tại các trạm trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận dao động từ 1.800 ÷ 2.400 mm, cao hơn trung bình nhiều năm từ 25 ÷ 35%. Mưa tập trung vào các tháng 10 và tháng 11. Tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ còn khá lớn vì vậy các địa phương, các chủ hồ cần gia cố hồ đập, theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thời tiết để đảm bảo an toàn cho các hồ chứa.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn đang bước vào mùa mưa lũ. Vì vậy các địa phương, các chủ hồ cần theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thời tiết để đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ và chuẩn bị cho kế hoạch tích nước cuối mùa mưa phục vụ cấp nước vụ Đông Xuân sắp tới.

Tập đoàn điện lực Việt Nam cần chỉ đạo các chủ hồ vận hành các hồ tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác cấp nước và phòng chống lũ lụt hạ du trong thời gian sắp tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/10/2020.